

**CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐẠI NAM BD**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐẠI NAM BD

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702999317

**3. Ngày thành lập:** 07/10/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 26 đường N4, Tổ 108, Khu K8, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0969678961

Fax:

Email: [vlxddainambd@gmail.com](mailto:vlxddainambd@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn sơn, vécni                                                                                                                                                                      | 4663(Chính) |
| 2.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Mua bán sắt, thép, kim loại màu (mua bán kết cấu thép, thép phôi, sắt thép xây dựng, ống kim loại, tôn và thép pá, dây kim loại, khung nhôm, khung đồng)                                                                                                                                                        | 4662        |
| 3.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752        |
| 4.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4101        |
| 5.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4102        |
| 6.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4212        |
| 7.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4221        |
| 8.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4222        |
| 9.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4223        |
| 10. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4229        |
| 11. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4292        |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4299        |
| 13. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4321        |

|     |                                                                                                                   |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                             | 4322 |
| 15. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                    | 4329 |
| 16. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                    | 4330 |
| 17. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                               | 4390 |
| 18. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                        | 3312 |
| 19. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                            | 3314 |
| 20. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                         | 3315 |
| 21. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                           | 3320 |
| 22. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                   | 4659 |
| 23. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                            | 7710 |
| 24. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                    | 7730 |
| 25. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                               | 4511 |
| 26. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                 | 4513 |
| 27. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa                                                                                | 4610 |
| 28. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                               | 4931 |
| 29. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                  | 4932 |
| 30. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                    | 4933 |
| 31. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Trừ kinh doanh kho bãi                                                   | 5210 |
| 32. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                  | 5224 |
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                           | 5225 |
| 34. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                               | 5229 |
| 35. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa<br>Chi tiết: Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới | 5021 |
| 36. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới     | 5022 |
| 37. | Khai thác và thu gom than cứng                                                                                    | 0510 |
| 38. | Khai thác và thu gom than non                                                                                     | 0520 |
| 39. | Khai thác dầu thô                                                                                                 | 0610 |
| 40. | Khai thác khí đốt tự nhiên                                                                                        | 0620 |
| 41. | Khai thác quặng sắt                                                                                               | 0710 |
| 42. | Khai thác quặng uranium và quặng thorium                                                                          | 0721 |
| 43. | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt                                                                      | 0722 |
| 44. | Khai thác quặng kim loại quý hiếm                                                                                 | 0730 |
| 45. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                   | 0810 |

|     |                                                                   |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------|------|
| 46. | Khai thác và thu gom than bùn                                     | 0892 |
| 47. | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu                           | 0899 |
| 48. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên        | 0910 |
| 49. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác                         | 0990 |
| 50. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất | 6820 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_

Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_

Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_

Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_

Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ YẾN NHI Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc

Sinh ngày: 19/10/2000 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 072300006047

Ngày cấp: 15/06/2017 Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Ấp Suối Mây, Xã Thạnh Bắc, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 26 đường N4, Tổ 108, Khu K8, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương